DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC ĐỀ NGHỊ XÉT TƯƠNG ĐƯƠNG HOẶC THAY THẾ

KHOA: MÔI TRƯỜNG

Stt	Các môn học từ khóa 2008 trở về trước			Các môn học từ khóa 2009 trở về sau			Khoa đã duyệt
	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	
1	M01077	Bảo Vệ & ăn Mòn Kim Loại	3.0	602830	Bảo Vệ Và Ăn Mòn V.Liệu	2.0	x
2	M01074	C.Nghệ Sản Xuất Sạch Hơn	4.0	610083	Sản xuất sạch hơn	2.0	
3	M01088	DC Đo & Đ.khiển Tự Động	3.0	209008	Nguyên lý và chi tiết máy	3.0	
4	M01052	Hóa Kỹ Thuật Môi Trường	6.0	610811	Hóa K.Thuật Môi Trường 1	2.0	x
5	M01087	K.Soát ÔNhiễm K.Khí T.ồn	6.0	611802	K.Soát Ô Nhiễm Không Khí	2.0	x
6	M01064	KT Xử Lý Nước Thải	6.0	611808	KT XL Nước Thải Đô Thị	2.0	x
7	M01073	Kinh Tế Môi Trường	3.0	610082	Kinh Tế Môi Trường	2.0	x
8	M01090	Kỹ Thuật Môi Trường	4.0	301822	Kỹ Thuật M.Trường Đ.Chất	3.0	x
9	M01068	Kỹ Thuật Xử Lý Nước Cấp	5.0	610079	Kỹ Thuật Xử Lý Nước Cấp	3.0	
10	M00051	Luận Văn Tốt Nghiệp	15.0	611303	Luận Văn Tốt Nghiệp	10.0	
11	M01057	Môi Trường Đại Cương	3.0	610801	Con Người Và Môi Trường	2.0	x
12	M01081	Phân Tích Môi Trường	5.0	610854	Hóa K.Thuật Môi Trường 2	2.0	x
13	M01067	Q.Lý Chất Lượng M.Trường	3.0	610075	Q.Lý Chất Lượng M.Trường	2.0	
14	M01056	Q.Trình CN Môi Trường 1	5.0	611805	Các QT HH&HL Trong KT MT	2.0	x
15	M01059	Q.Trình CN Môi Trường 2	6.0	611806	Các QT SH Trong KT MT	2.0	x
16	M01071	Qlý& Xử Lý Chất Thải Rắn	4.0	611809	KT XL Nước Thải Rắn ĐThị	2.0	x
17	M01058	Sinh Thái Học	4.0	610108	Iso14000 và kiểm toán môi trường	2.0	
18	M01065	TKế CTạo TBị Môi Trường	3.0	610072	TKế CTạo TBị Môi Trường	2.0	
19	M01053	TN Hóa KT Môi Trường	2.0	610860	TN Hóa KT Môi Trường 1	2.0	x
20	M01060	TN Vi Sinh KT Môi Trường	2.0	610062	TN Vi Sinh KT Môi Trường		
21	M01083	Thủy Lực Môi Trường	4.0	610109	Thủy Lực Môi Trường	2.0	x
22	M01075	Thực Tập Tham Quan	2.0	610077	Thực Tập Tham Quan	1.0	
23	M01080	Thực Tập Tốt Nghiệp	8.0	611302	Thực Tập Tốt Nghiệp	3.0	
24	M01079	Tối ưu Hóa	3.0	610892	Tối Ưu Hóa & QH MTrường	2.0	x
25	M01082	Vi Sinh Hóa Môi Trường	5.0	610859	Vi Sinh Vật KT M.Trường	2.0	x
26	M01085	ƯD GIS Trong QLý MTrường	4.0	610073	ƯD GIS Trong QLý MTrường	2.0	
27	M01069	ĐAMH Xử Lý Chất Thải	2.0	610034	ĐAMH Xử lý nước thải	1.0	
28	M01070	Độc Học Môi Trường	3.0	610066	Độc Học Môi Trường	2.0	

TRƯỞNG KHOA MÔI TRƯỜNG

PGS.TS. *Nguyễn Phước Dân*